CTY CP CẢNG RAU QUẢ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

SỐ: 261/CRQ-2015 Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Tp. HCM, ngày 24 tháng 3 năm 2015

#### **BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**

Công ty Cổ phần Cảng Rau quả

Năm báo cáo 2014

1. Thông tin chung
2. *Thông tin khái quát*

* Tên giao dịch: Công ty Cổ phần Cảng Rau quả
* Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số:
* Vốn điều lệ : 82 146 920 000 Việt Nam đồng
* Vốn đầu tư của chủ sở hữu : 82 146 920 000 Việt Nam đồng
* Địa chỉ: Số 1, Nguyễn Văn Quỳ, phường Phú Thuận, Quận 7, Tp. Hồ Chí Minh.
* Số điện thoại : ( 08 ) 37731121 - 37731120
* Số fax: ( 84 – 8 ) 38733342 - 38731937
* Website: www.vegeport.com
* Mã cổ phiếu : VGP

1. *Quá trình hình thành và phát triển*

* Quá trình hình thành và phát triển:

Công ty Cổ phần Cảng Rau quả được chuyển đổi từ Công ty Giao nhận Kho vận Rau quả (doanh nghiệp Nhà nước thuộc thành viên Tổng Công ty Rau quả Việt Nam) theo Quyết định số 20/2001/QĐ-TTg ngày 20/02/2001 của Thủ Tướng Chính Phủ. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103000427 ngày 25/05/2001, giấy chứng nhận kinh doanh lần 5 số 0302336158 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. Hồ Chí Minh cấp ngày 11/06/2012.

* Các sự kiện khác:

Tham gia giao dịch trên thị trường chứng khoán từ 21/12/2006, theo quyết định số 88/UBCK – GPNY ngày 29/11/2006 của UBCKNN.

1. *Ngành nghề và địa bàn kinh doanh*

* Ngành nghề kinh doanh: (Nêu các ngành nghề kinh doanh hoặc sản phẩm, dịch vụ chính chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất).

+ Khai thác cảng , kho – Bãi

+ Xuất Nhập Khẩu

+ Kinh doanh – Khai thác chuỗi dịch vụ Logistics

* Địa bàn kinh doanh chính : Tp. Hồ Chí Minh

1. *Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý*

* Mô hình quản trị: Theo mô hình quản trị Công ty Cổ phần.
* Cơ cấu bộ máy quản lý.
* Các công ty con, công ty liên kết : Không.

1. *Định hướng phát triển*

* Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

- Tiếp tục đẩy mạnh phát triển kinh doanh theo các ngành nghề hiện tại của Công ty như khai thác cảng, kinh doanh kho bãi, cho thuê văn phòng.

- Tăng cường đầu tư, mở rộng Kinh doanh xuất nhập khẩu, Logistics từng bước trở thành kinh doanh chính của Công ty.

- Tiếp tục giữ vững mức tăng trưởng hàng năm bình quân từ 5 – 10%.

* Chiến lược phát triển trung và dài hạn.

- Mở rộng các lĩnh vực kinh doanh, dịch vụ mới phù hợp với điều kiện phát triển của Cty.

- Chuyển đổi công năng một phần diện tích kho bãi để đầu tư cao ốc, văn phòng, khu thương mại.

- Đầu tư các dự án: khách sạn - nhà hàng, xây dựng văn phòng…

* Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty: Bên cạnh việc phát triển kinh doanh, Công ty luôn hướng các mục tiêu phát triển với bảo vệ và giữ gìn môi trường, phải song song thực hiện cả hai nhiệm vụ trên mới bảo đảm sự phát triển bền vững của đơn vị.

1. *Các rủi ro:*

* Dịch vụ : Là đơn vị làm các dịch vụ trung gian và khai thác dịch vụ Cảng , kho – bãi trên cơ sở vật chất của đơn vị nên các rủi ro rất thấp.
* Các dự án đầu tư đang thực hiện bằng nguồn vốn tích lũy của Công ty, không sử dụng các nguồn huy động bên ngoài.

1. Tình hình hoạt động trong năm
2. *Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh*

ĐVT: Triệu đồng

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Các chỉ tiêu | Thực hiện năm 2014 | Thực hiện năm 2013 | Kế hoạch năm 2014 | Tỷ lệ NN/NT | Tỷ lệ NN/KH |
| 1. Tổng doanh thu | 271.428 | 533.862 | 350.000 | 51% | 78% |
| 2. Tổng lợi nhuận phát sinh: | 18.190 | 25.652 | 24.000 | 71% | 76% |
| Trong đó:  - Lợi nhuận SXKD chính  - Thu nhập nghiệp vụ tài chính  - Thu nhập khác | 10.932  6.918  340 | 9.173  14.105  2.375 | 12.840  11.160 | 119%  49%  14% | 85%  62% |
| 3. Lợi nhuận sau thuế | 13.225 | 19.155 | 18.720 | 69% | 71% |
| 4. Kim ngạch xuất nhập khẩu: ( USD ) | 10.689.637,43 | 24.990.449,47 | 17.000.000 | 43% | 63% |
| Trong đó:  - Kim ngạch nhập khẩu  - Kim ngạch xuất khẩu | 10.689.637,43 | 24.869.049,47  121.400,00 | 16.000.000  1.000.000 | 43% | 67% |

-Tổng doanh thu giảm, chủ yếu do kim ngạch nhập khẩu gỗ giảm, nguồn hàng gỗ bị ảnh hưởng vì chính sách mới của Myanma về hạn chế xuất khẩu gỗ.

- Tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty ở phần dịch vụ khai thác cảng tương đối tốt hơn so với năm trước, do Công ty vẫn nổ lực tìm kiếm nguồn hàng và tiết giảm chi phí nên lợi nhuận thuần từ hoạt động bán hàng. Ngoài ra do chịu ảnh hưởng chung của nền kinh tế, hoạt động dịch vụ kho cảng chịu nhiều áp lực về cạnh tranh giá cả, vì vậy tuy doanh số tăng nhưng lợi nhuận chưa đạt được so với kế hoạch được giao.

- Lợi nhuận từ hoạt động tài chính giảm do tình hình lãi suất năm nay giảm nhiều so với năm trước, chênh lệch tỷ giá ngoại tệ hàng xuất nhập khẩu giảm do đó chỉ tiêu này làm lợi nhuận phát sinh năm nay giảm so với năm trước.

1. *Tổ chức và nhân sự*

* Danh sách Ban điều hành:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | HỌ TÊN | CHỨC VỤ | CỔ PHẦN BIỂU QUYẾT | GHI CHÚ |
| 1 | ĐẶNG NHƯ BÌNH | Giám đốc | * Cá nhân 537 970 CP * Đ/diện vốn NN 1 556 600 CP | Đồng đại diện Vốn Nhà nước |
| 2 | HUỲNH KIM SẮT | Phó Giám đốc | 129 592 CP | Vốn cá nhân |
| 3 | TRƯƠNG THỊ HẢI YẾN | Kế toán trưởng | 2 444 CP | Vốn cá nhân |

* Những thay đổi trong ban điều hành: Bổ nhiệm bà TRƯƠNG THỊ HẢI YẾN làm kế toán trưởng ( QĐ số 347/CRQ-2014 ngày21/4/2014 ). Thay bà TẠ MỸ DUYÊN nghỉ hưu.
* Số lượng cán bộ, nhân viên: Bình quân lao động năm 2014 là 60 người.
* Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động : Công ty thực hiện chính sách đối với người lao động theo đúng pháp luật về lao động và thỏa ước lao động đã ký kết giữa Công ty và người lao động.
* Mô hình tổ chức :

ÑAÏI HOÄI ÑOÀNG COÅ ÑOÂNG



BAN KIEÅM SOAÙT

HOÄI ÑOÀNG QUAÛN TRÒ

GIAÙM ÑOÁC

PHOÙ GIAÙM ÑOÁC

Phoøng Baûo Veä

Phoøng Baûo Veä

Phoøng Toå Chöùc

Phoøng Khai thaùc cảcaûng

Phoøng Logistics

Phoøng XNK

Phoøng Keá Toaùn

Phoøng Kế Hoạch

Phoøng keá hoaïch

1. *Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Tên công trình | Giá trị (Vnđ)  đã thực hiện | Ghi chú |
| 1/ Dự án ở Đà Lạt | 17.063.929.991 | Đã nhận sổ đỏ chuyển tên từ chi cục Lâm nghiệp tỉnh Lâm Đồng sang cho Công ty CP Cảng Rau Quả, sẽ tiến hành đầu tư, khai thác hoặc chuyển nhượng nếu thấy hiệu quả. |
| 2/ Khu thương mại Kim Thành Lào Cai. | 18.155.930.592 | Chuẩn bị đầu tư tiếp giai đoạn 2 để hoàn thành trung tâm thương mại đưa vào khai thác. |
| 3/ Dự án ở Kho Huyện đội | 74.546.065.525 | Đã hoàn tất việc chuyển quền sở hữu cho Công ty và nhận sổ đỏ. Sẽ đầu tư dự án hoặc chuyển nhượng nếu thấy hiệu quả |
|  |  |  |
| Tổng cộng: | 109 765 926 108 |  |

1. *Tình hình tài chính*
2. Tình hình tài chính

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Chỉ tiêu | Năm 2013 | Năm 2014 | % tăng giảm |
| Tổng giá trị tài sản  Doanh thu thuần  Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh  Lợi nhuận khác  Lợi nhuận trước thuế  Lợi nhuận sau thuế  Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức | 299.483  512.398  23.278  2.374  25.652  19.155  16% | 204.527  259.843  17.851  340  18.190  13.225  15% | -31,7%  -49,3%  -23,3%  -85,7%  -29%  -31%  -1% |

* Các chỉ tiêu khác: (tùy theo đặc điểm riêng của ngành, của công ty để làm rõ kết quả hoạt động kinh doanh trong hai năm gần nhất).

1. *Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Các chỉ tiêu | Năm 2013 | Năm 2014 | Ghi chú |
| 1. *Chỉ tiêu về khả năng thanh toán*  * Hệ số thanh toán ngắn hạn:   TSLĐ/Nợ ngắn hạn   * Hệ số thanh toán nhanh:   TSLĐ - Hàng tồn kho /  Nợ ngắn hạn | 1,31 |  |  |
| 1. *Chỉ tiêu về cơ cấu vốn*  * Hệ số Nợ/Tổng tài sản * Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu | 0,46  0,87 | 0,22  0,28 |  |
| 1. *Chỉ tiêu về năng lực hoạt động*  * Vòng quay hàng tồn kho:   Giá vốn hàng bán  Hàng tồn kho bình quân   * Doanh thu thuần/Tổng tài sản | 61,6  1,71 | 1,27 |  |
| 1. *Chỉ tiêu về khả năng sinh lời*  * Hệ số Lợi nhuận sau thuế / Doanh thu thuần * Hệ số Lợi nhuận sau thuế / Vốn chủ sở hữu * Hệ số Lợi nhuận sau thuế / Tổng tài sản * Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh / Doanh thu thuần | 0,04  0,12  0,06  0,05 | 0,05  0,08  0,06  0,07 |  |

1. *Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu*
2. Cổ phần:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Cổ đông  (Chốt sổ vào ngày 15/8/2014) | Chức danh | Số lượng cổ phiếu sở hữu | Ghi chú |
| I/. Hội đồng quản trị  1/ Đặng Như Bình  2/ Phạm Quang Bình  3/ Huỳnh Kim Sắt  4/ Nguyễn Đỗ Thanh Phương  5/ Cao Bình | Chủ tịch HĐQT  Phó Chủ tịch  Ủy viên  Ủy viên  Ủy viên | 4.144.814  2.094.570  1.600.000  129.592  224.614  96.038 | Hạn chế chuyển nhượng  Trong đó đại diện phần vốn NN 1.556.600 cp  Đại diện phần vốn NN |
| II/. Ban Kiểm soát  1/ Đoàn Duy Hiến  2/ Bùi Hoàng Chương  3/ Đặng Vĩnh Hùng | Trưởng ban KS  Ủy viên  Ủy viên | 86 796  38 752  32.106  38 | Hạn chế chuyển nhượng |
| III/. Cổ đông khác  699 cổ đông |  | 3.983.082 | Cổ phiếu phổ thông |
| Tổng cộng : |  | 8.214.692 |  |

1. Cơ cấu cổ đông:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Cổ đông  (Chốt sổ vào ngày 15/08/2014) | Số lượng cổ phiếu sở hữu | Số lượng cổ phiếu đang lưu hành |
| 1/ Trong nước   * Cá nhân * Tổ chức | 7.745.591  4.016.302  3.729.289 | 7.442.421  4.016.302  3.426.119 |
| 2/ Nước ngoài   * Cá nhân * Tổ chức | 469.101  177.868  291.233 | 469.101  177.868  291.233 |
| Tổng cộng cổ phiếu đã phát hành:  Trong đó:  1/ Cổ đông Nhà nước  2/ Cổ đông khác | 8.214.692  3.156.600  5.058.092 | 7.911.522  3.156.600  4.754.922 |

1. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không có sự thay đổi trong năm 2014.
2. Giao dịch cổ phiếu quỹ: Năm 2014 Công ty không thực hiện giao dịch cổ phiếu quỹ. Số cổ phiếu quỹ hiện Công ty sở hữu là 303 170 cổ phiếu.
3. Các chứng khoán khác: Không.
4. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc

Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc tối thiểu phải bao gồm các nội dung sau:

1. *Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh*

Năm 2014 là một năm khó khăn, tuy nhiên bằng nỗ lực của mình, Ban giám đốc đã cùng toàn thể cán bộ - nhân viên phấn đấu hoàn thành và vượt kế hoạch kinh doanh do Đại hội cổ đông 2014 đề ra.

1. *Tình hình tài chính*

a.1/ Tình hình tài sản cố định:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Chỉ tiêu TSCĐ | Nguyên giá | Hao mòn lũy kế | Giá trị còn lại |
| 1. Số dư đầu năm: | 33.377.813.213 | 28.946.340.511 | 4.431.472.702 |
| 2.Số tăng trong năm:  - Khấu hao trong năm | 23.622.654.911  23.622.654.991 | 1.545.126.014  1.545.126.014 | 22.077.528.977  23.622.654.991  1.545.126.014 |
| 3.Số giảm trong năm:  - Thanh lý, nhượng bán  - Chuyển công cụ lao động  - Khấu hao trong năm |  |  |  |
| 4. Số dư cuối năm: | 57.000.468.204 | 30.491.466.525 | 26.509.001.679 |

a.2/ Tình hình nợ phải thu:

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng vằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dỏi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Trong năm 2014 Công ty có khoản trích dự phòng nợ phải thu khó đòi về khoản dịch vụ khai thác cảng, kho của một vài khách hàng bị thua lỗ Công ty khó có khả năng thu hồi được nợ. Tổng số tiền đã trích dự phòng là 1.901.688.358 đồng.

b/Tình hình nợ phải trả

Tình hình nợ phải trả tại ngày 31/12/2014 là 43 237 022 255 đồng bao gồm:

|  |  |
| --- | --- |
| Phải trả cho người bán  Người mua trả tiền trước  Vay và nợ  Phải trả người lao động  Chi phí phải trả  Các khoản phải trả phải nộp khác | 277.081.844  6.360.000  37.847.291.509  975.775.000  52.017.540  4.078.496.362 |
| Cộng: | 43.237.022.255 |

Phần lớn phát sinh nợ phải trả của Công ty đều được đảm bảo bằng các khoản tiền gửi, các khoản phải thu và tài sản có kỳ hạn ngắn hạn. Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp với các khoản vay.

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty
2. *Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty*

Năm 2014 hoạt động của Công ty đã đạt yêu cầu theo Nghị quyết Đại hội Cổ đông 2014 đề ra. Ban điều hành đã điều hành tốt các hoạt động sản xuất kinh doanh, chủ động mở thêm các dịch vụ mới qua đó bảo toàn vốn và đạt kết hoạch lợi nhuận trong giai đoạn kinh tế cực kỳ khó khăn như năm 2014.

1. *Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị*

Làm tốt công tác chuẩn bị như :

* Tiếp tục thực hiện các dự án đầu tư chuẩn bị cơ sở vật chất, mở rộng thêm các dịch vụ mới, chuẩn bị tốt nguồn nhân lực để khi chính thức thực hiện chuyển đổi công năng khu vực cảng Công ty vẫn phát triển ổn định.
* Tập trung đầu tư nhân lực, vốn vào 02 dịch vụ Xuất nhập khẩu, Logicstic từng bước thay thế Kinh doanh Khai thác cảng – Kho bãi khi Công ty thực hiện chuyển đổi công năng Cảng.

1. Quản trị công ty
2. *Hội đồng quản trị*
3. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị: Gồm 05 thành viên.

a.1 – ÔNG ĐẶNG NHƯ BÌNH : Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc điều hành.

- Cổ phần biểu quyết : 2 094 570 cổ phần ( 25,5% )

+ Cổ phần sở hữu : 537 970 cổ phần

+ Đại diện phần vốn Nhà nước : 1 556 600 cổ phần

a.2 – ÔNG PHẠM QUANG BÌNH: Phó chủ tịch HĐQT.

- Cổ phần biểu quyết : 1 600 000 cổ phần ( 19,5% )

+ Cổ phần sở hữu : 0 cổ phần

+ Đại diện phần vốn Nhà nước : 1 600 000 cổ phần

+ Thành viên Hội đồng thành viên, Phó Tổng giám đốc Công ty TNHH một thành viên TCty Rau quả, Nông sản.

a.3 –: ÔNG HUỲNH KIM SẮT : Ủy viên HĐQT .

- Cổ phần biểu quyết : 129 592 cổ phần ( 1,6% )

- Cổ phần sở hữu : 129 592 cổ phần

- Phó giám đốc Công ty

a.4 – BÀ NGUYỄN ĐỖ THANH PHƯƠNG : Ủy viên HĐQT.

- Cổ phần biểu quyết : 224 614 cổ phần ( 2,73 )

- Cổ phần sở hữu : 224 614 cổ phần

- Trưởng phòng Xuất Nhập Khẩu Cty CP Cảng Rau Quả.

a.5 – ÔNG CAO BÌNH : Uỷ viên HĐQT

- Cổ phần biểu quyết : 96 306 cổ phần ( 1,17 )

- Cổ phần sở hữu : 96 306 cổ phần

- Trưởng phòng Tổ chức – Hành chính.

1. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:

* Ban tư vấn về Đầu tư xây dựng chiến lược phát triển.
* Tư vấn Luật.

1. Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Năm 2014 Hội đồng quản trị họp 04 phiên thường kỳ và 02 phiên bất thường để thông qua chương trình tổ chức Đại hội Cổ đông thưởng niên 2014, các thành viên HĐQT theo dõi hoạt động của Công ty rất sát sao nên Nghị quyết của HĐQT phù hợp với tình hình thực tế và được Ban điều hành triển khai rất tốt.

1. Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị:

Các tiểu ban tư vấn đều do thành viên HĐQT phụ trách và có trách nhiệm báo cáo trong mỗi cuộc họp, khi có yêu cầu.

1. *Ban Kiểm soát*
2. Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | HỌ TÊN | CHỨC VỤ | CỔ PHẦN SỞ HỮU | TỶ LỆ % |
| 1 | ĐOÀN DUY HIẾN | Trưởng ban | 38 752 | 0,47 |
| 2 | BÙI HOÀNG CHƯƠNG | Ủy viên | 32 106 | 0, 39 |
| 3 | ĐẶNG VĨNH HÙNG | Ủy viên | 38 |  |

1. Hoạt động của Ban kiểm soát:

Họp định kỳ 6 tháng để đánh gía hoạt động của Công ty : Hội đồng quản trị, Ban điều hành đã hoạt động đúng theo điều lệ và Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2014.

Thông tin, báo cáo tài chính được gửi cho các thành viên, chỉ triệu tập họp bất thường khi có thành viên yêu cầu.

1. *Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát*
2. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Họ tên Cán bộ | Tổng thu nhập 2014 (VNĐ) | TNBQ tính thuế (VNĐ)  (đã giảm trừ gia cảnh) |
| Hội đồng Quản trị:  1/ Đặng Như Bình  2/ Cao Bình  3/ Huỳnh Kim Sắt  4/ Nguyễn Đỗ Thanh Phương  5/ Phạm Quang Bình | 652 022 427  323 044 972  497 017 000  376 243 000 | 491 679 231  206 756 692  337 630 156  218 377 600 |
| Ban Kiểm soát:  1/ Đoàn Duy Hiến  2/ Bùi Hoàng Chương  3/ Đặng Vĩnh Hùng | 166 150 436  220 365 637  223 197 927 | -  105 395 953  64 883 331 |

Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ và người có liên quan :

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Stt | Người thực hiện giao dịch | Quan hệ với cổ đông nội bộ | Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ | | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ | | Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...) |
| Số cổ phiếu | Tỷ lệ | Số cổ phiếu | Tỷ lệ |
| 1 | ĐẶNG NHƯ MINH | Con Ông Đặng Như Bình | 100 000 | 1,2 | 100 000 | 1,2 | Đầu tư mới |
| 2 | HUỲNH NGUYỄN ĐỨC VINH | Con Ông Huỳnh Kim Sắt | 100 000 | 1,2 | 100 000 | 1,2 | Đầu tư mới |

1. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không

d)Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: Thực hiện theo đúng quy định .

1. Báo cáo tài chính
2. *Ý kiến kiểm toán*

Theo quyết định số 282/QĐ-CT-XP của Cục trưởng Cục thuế TP Hồ Chí Minh về việc xử lý vi phạm pháp luật về thuế thì Công ty Cổ Phần Cảng Rau Quả có trách nhiệm nộp số tiền thuế truy thu, tiền phạt nộp chậm và tiền phạt vi phạm hành chính cho niên độ kiểm tra năm 2007-2010 với số tiền là: 3.689.856.436VND. Theo giải trình thì đơn vị đang có kiến nghị xem xét lại khoản tiền xử phạt này nên đơn vị chưa ghi nhận khoản trên vào sổ sách. Các tài liệu tại Công ty cho thấy, nếu phản ánh theo giá trị trên thì khoản mục "Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước" và "Các khoản phải trả, phải nộp khác" trên Bảng cân đối kế toán sẽ tăng lên lần lượt là 2.810.270.502 VND và 879.585.934. Đồng thời, trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, chỉ tiêu "Chi phí khác", chỉ tiêu "Chi phí thuế TNDN hiện hành" sẽ tăng lần lượt là 891.984.646 VND, 2.797.871.790 VND và lợi nhuận sau thuế sẽ giảm đi tương ứng là 3.689.856.436VND.

Ngoài ra, theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 5464 BKH/DN ngày 14/08/2001 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp cho Công ty Cổ phần Cảng Rau Quả thì Công ty sẽ được miễn sáu năm tiền thuê đất đối với phần diện tích đất thuê của Nhà nước để thực hiện dự án, kể từ khi ký hợp đồng thuê đất. Công ty đã ký hợp đồng thuê đất số 7863/HĐ-TNMT-QLSDĐ ngày 26/12/2012 với Ủy ban Nhân dân Thành Phố sử dụng vào mục đích kinh doanh khai thác Cảng theo hiện trạng. Công ty đã nộp hồ sơ kèm theo giấy tờ chứng minh thuộc đối tượng được miễn tiền thuê đất đồng thời đã không hạch toán vào sổ sách khoản này. Đến thời điểm phát hành báo cáo kiểm toán, chưa có công văn trả lời chính thức của Cục Thuế về việc miễn tiền thuê đất này. Do vậy, nếu phản ánh vào sổ sách theo giá trị trên thì lợi nhuận sau thuế sẽ giảm đi tương ứng là 4.229.359.538 VND.

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn "cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công Ty Cổ Phần Cảng Rau Quả tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

1. *Báo cáo tài chính được kiểm toán* : Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ tư vấn Tài chính kế toán & Kiểm toán phía nam ( AASC ) bao gồm: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật về kế toán và kiểm toán. Báo cáo kiểm toán cả năm và soát xét 6 tháng đều được báo cáo về Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước, Sở GDCK Hà Nội và đăng toàn văn lên trang Web của Công ty.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Chủ tịch

ĐẶNG NHƯ BÌNH

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |